

## VỀ NGƯỜI THÁI ĐEN Ở VIỆT NAM

HOÀNG LƯƠNG

Lâu nay, nhiều công trình nghiên cứu về người Thái ở Việt Nam đều thống nhất một điều là người Thái Đen đến Tây Bắc nước ta vào khoảng thế kỷ thứ XIII do tù trưởng Lạng Chượng dẫn đầu<sup>(1)</sup>. Sự kiện này đã được ghi chép lại khá đầy đủ trong hai áng sử thi của người Thái Đen là "*Quãm tô mường*" (kể chuyện bản mường) và "*Tãy pũ xóc*" (theo đường ông cha trình chiến)<sup>(2)</sup>. Đặc biệt là sự kiện này cũng đã được thuật lại khá rõ ràng, sinh động trong áng mo "*Mo khuôn*" (mo hôn)<sup>(3)</sup> và "Lời tang lễ dân tộc Thái"<sup>(4)</sup> mới được xuất bản gần đây. Tất cả các tác phẩm đó đều nhắc lại khá tỉ mỉ và cụ thể các chặng đường mà cộng đồng Thái di chuyển đi tìm đất sinh sống do tù trưởng Lạng Chượng dẫn đầu đã đi qua. Đặc biệt trong hai công trình "*Mo khuôn*" và "*Lời tang lễ dân tộc Thái*", ông mo đã dẫn các hôn vía thăm lại những nơi mà tổ tiên họ "*pũ chạu*" đã từng đi qua. Trong đó, các tác phẩm trên đều kể lại khá sinh động khi họ (đoàn quân Lạng Chượng) về xuôi thăm cung điện nhà vua Bường Thái<sup>(5)</sup>. Đây là một sự kiện lịch sử khá lý thú và quý báu cho biết thêm về mối quan hệ giữa các ngành, các nhóm Thái ở Việt Nam với các triều đại phong kiến Việt nam nói riêng và người Kinh ở miền xuôi nói chung.

Thực ra, lâu nay nhiều ý kiến cho rằng ngành Thái Đen đều từ Trung Quốc di cư sang Việt nam là không hoàn toàn đúng với các nguồn sử liệu đã nói ở trên. Theo các nguồn tư liệu, nhất là "*Quãm tô mường*" (kể chuyện bản mường) thì Lạng Chượng là con trai út (con trai thứ 7) của Tào Lò "*Tạo Lô*" cháu nội của Tào Ngân "*Tạo Ngơn*". Sau nạn đại hồng thủy, Then mới sai đem 8 quả bầu giống "*mák tạu pung*" xuống trần gian xây dựng lại *mường lum* (người mường). Trong các quả bầu đó có đủ thức, đủ loại, kể cả các giống người:

"Mí xam hội xam xíp xính khậu nằng ná,

Mí xam xam xíp xính pa nằng nạm

Mí xam hội xam xíp xính phẩn mường lum"

**Tạm dịch:**

Có ba trăm ba mươi giống giống lúa ở ruộng

Có ba trăm ba mươi giống cá ở nước

Có ba trăm ba mươi giống người ở trần gian.

Then cử Tào Xuông, Tào Ngân đem bầu xuống trần gian. Tào Xuông đem bầu giống xuống Mường Ôm, Mường Ai (hai địa danh này ngày xưa cũng thuộc địa phận của 16 châu Thái). Còn Tào Ngân đem quả bầu "*mák tạu pung*" xuống đến Mường Lò (Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái). ở đây, Tào Ngân sinh được con trai gọi là Tào Lò và Tào Ngân bắt đầu xây dựng Mường Lò. Từ quả bầu của ông nở ra được 6 cột chống trời. Lúc đó ông mới giao cho Tào Lò "án" Mường Lò (làm Tào Mường Lò). Tào Lò sinh được 7 người con trai mà Lạng Chượng là con út. Sau đó, Tào Lò đã chia đất cho 6 người con trai lớn làm chủ của 6 mường xung quanh vùng Nghĩa Lộ ngày nay (cho đến nay vẫn còn tồn tại những địa danh này)

- Ta Đúc (con cả) làm Tào Mương Lò lớn "Ló Luông"
- Ta Đâu (con thứ) làm Tào Mương Lò Cha
- Lấp Lì (con thứ 3) làm Tào Mương Lò Da
- Lí Lon (con thứ 4) làm Tào Mương Min, Mương Lùng
- Láng Ngang (con thứ 5) làm Tào Mương Nà Lòn
- Láng Quang (con thứ 6) làm Tào Mương Pục, Mương Nặng

Riêng Lạng Chượng còn bé nên chưa có đất làm Tào, sau đó, Lạng Chượng đã phải tự túc đi tìm đất lập mương làm Tào.

Như vậy, sinh quán của tù trưởng Lạng Chượng là Mương Lò thuộc huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái ngày nay, chứ không phải ông kéo quân từ Trung Quốc sang Việt Nam rồi tiến vào Tây Bắc như một số người quan niệm. Đây là một cuộc di dân đi tìm đất sinh sống chứ không phải là một cuộc chinh phạt. Tất nhiên, trong quá trình kiếm tìm đất đai lập mương, ông đã gặp sự chống trả của một số nhóm cư dân địa phương nên ít nhiều đã gây ra xung đột nhỏ.

Vì thế, đi đến đâu ông cũng được dân địa phương đón tiếp, thiết đãi linh đình và gả con gái cho làm vợ. Trong đó, đáng kể nhất là bà vợ người Xá ở Mương Muối vừa xinh đẹp, vừa thông minh đã sinh hạ cho ông "ả Ngu Hầu" (Chàng Hồ mang). Sau này, ả Ngu Hầu đã trở thành người "nối dõi tông đường" (tất cả các nhóm Thái Đen ở Tây Bắc hiện nay đều coi ả Ngu Hầu là tổ tiên của mình). Đặc biệt cho đến nay, các nhóm Thái Đen ở tây Bắc đều tiên hồn ma về với tổ tiên trên mương Trời qua đường lên trời ở xã Thạch Lương, huyện Văn Chấn (Yên Bái).

Như chúng ta đã biết, theo phương pháp nghiên cứu dân tộc học, lời dân đường của ông mo đám ma hay mo cúng lớn toàn mương thường dẫn các hồn ma hay thần linh theo những chặng đường mà tổ tiên họ đã từng đi qua. Đây là những không gian ảo, nhưng dựa trên thực tế đã in sâu vào tâm trí, nhất là trong tâm linh của các tộc người. Trên cơ sở những nguồn tư liệu trên, chúng ta thấy hé ra một nhận xét mới là thực ra các nhóm Thái Đen ở Việt Nam hiện nay cũng là những cư dân bản địa có mặt ở Việt nam từ thời cổ đại. Xét đến cùng, quê tổ của họ là vùng Văn Chấn, tỉnh Yên Bái ngày nay. Như vậy, cùng với nhóm được gọi là Thái Trắng "Tày Khao" mà Lạng Chượng gặp gỡ trên đường lên Tây Bắc đều là các nhóm cư dân Tày-Thái cổ ở Việt Nam. Có lẽ vì thế, cho đến nay, khi nghiên cứu về các nhóm và các ngành Thái ở Việt Nam chúng ta đều nhận ra một sự thật khá rõ ràng là giữa văn hoá Thái (kể cả Thái Đen- Thái Trắng) và văn hoá các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn- Khơ me, trước hết là với các nhóm Môn- Khơ me ở Tây Bắc đã có một quá trình hỗn dung khá sâu sắc. Đặc biệt là, hiện nay xu thế đó ngày càng phát triển mạnh.

Có lẽ vì người Thái Đen cũng là nhóm Tày -Thái cổ ở Việt Nam, cho nên trước khi định cư bền vững ở Tây Bắc nước ta, đoàn chuyển cư đi tìm đất sinh sống do tù trưởng Lạng Chượng dẫn đầu đã xuống tận miền xuôi để trình báo, và đã được triều đình đương thời chấp nhận, cho phép. Đây là chuyện nội bộ của một quốc gia thống nhất cũng là quyền bình đẳng giữa các dân tộc anh em cùng sinh sống trên dải đất Việt Nam, anh em cùng một mẹ Âu Cơ từ thừa xưa.

Thực ra, con đường Lạng Chượng đã đi qua bắt đầu từ Mương Lò hầu hết đều thuộc lãnh thổ Việt Nam.

Con đường đó bắt đầu từ Mường Lò (Yên Bái) rồi đến Khim Nội, Khau Cọ (Than Uyên- Lào Cai), lên Mường Chiên, Mường Trai (Quỳnh Nhai- Sơn La), đến Mường Lay có Nậm Na chảy xiết, rồi đóng thuyền bè xuôi sông Đà về đến ít Long, Tạ Bú (Sơn La), xuôi Ta Chan, Bản Hốc đến Mường Pùa vào Mường Tấc, Phù Yên (Sơn La). Từ Mường Tấc đoàn xuôi về Ta Lâu (bến Âu Lâu), Ta én (Vũ ễn) vào đất người Mường rồi đến chợ Vẽ có người Kinh tập nập bán hàng. Tiếp đó đoàn qua cầu tre, cầu đất vua bằng gỗ "nũa" (một loại cây da) vào đất vua sâm uất. Đoàn đến thăm Đình Bảng, Ngọc Động rồi thăm sân châu nhà vua giữa cung điện rực rỡ.

ở đây, đoàn nhìn thấy nhà Chúa quét sơn vàng, cung vua bầy sập vàng san sát, gập vợ vua xinh đẹp tươi tắn, mặt hồng hào, ngân trắng, chải chuốt đến công đường phơi phới. Nơi cung điện, kẻ mặc áo tay rộng đến châu, người mặc áo tay thêu đến trực, người mặc yếm lụa có ô che mát, lọng ô căng phồng qua lại nhộn nhịp như bướm. Nhiều cô gái mặc áo lụa vú căng tròn nhọn hoắt như gai vông, gái Kinh mặt trắng ngân như hoa... Đoàn dẫn bước qua đường rộng giữa mường, ngược mắt ngắm cung vua cung vua vẽ hình rồng, hình rắn đến châu, chín hình voi, ngựa của trần gian đến ngự.

ở đây, mo còn dặn các hồn dừng dừng lại nơi quán nem chả, chớ có đứng sóng đôi với gái Kinh mặc áo lụa thắt đáy lưng ong đẹp như tiên, dừng chen chúc mặc cả nơi chợ cá và lầy...

Từ đây, đoàn lại ngược sông Đà đến Mường Xang (Châu Mộc), qua Chiềng Hặc vào bãi dâu Mường Vạt (Yên Châu), vào Mường Lầm, Mường Hung, Mường Bon... (sông Mã). Đoàn sang Mường Sầm, Mường Puôn, thăm tháp cao chùa lớn, rồi thăm chợ Viêng Chăn, đến vái Phật ở Pha Bang, rồi đoàn ngược Nậm U lên Mường Ngòi, dong thuyền lên Nậm Núa, Nậm Rốm, đến Mường Thanh đồng ruộng, nghỉ chân tại Xam Mứn.

Từ Mường Thanh xuôi về Mường Phăng, Mường ằng (Điện Biên), rồi đến Mường Huắc, Mường Quài (Tuần Giáo). Sau khi vượt Pha Đin đoàn về đến Chiềng Pắc, Muối Nọi (Thuận Châu- Sơn La). Từ đây một nhóm về Mường Chanh, Mường Mạ (Mai Sơn), còn đại bộ phận ở lại Chiềng Đi có ao rộng sát núi, mường dài như tiếng chiêng, tể tụy bên Nậm Muối rồi cùng về nhà Chậu sự (thần thổ địa).

Bài tiên hồn ma lên trời (*Quám sống phi*) trong "*Lời tang lễ của người Thái*" đoạn cuối cùng ông mo hú hồn cho nhữn người di tiên hồn người chết lên trời đã tóm tắt các chặng đường tổ tiên họ đã đi qua:

*Hú hồn về nhà cửa*

*Về Mường Lò*

*Về Mường Mìn*

*Về Mường Lùng*

*Về Mường Chiến*

*Về ít Ong*

*Về Mường Bú*

*Về Mường La*

*Về Chiềng Pắc*

Về Thăng Tô

Về Mường Muối

Bản ai người nấy về

Hú hồn về nhà về cửa nhé

Đây là sự khẳng định những miền quê mà tổ tiên họ đã từng đến. Một lần nữa cho phép chúng ta nghĩ rằng, tuy là lời chiêu hồn, tưởng chỉ thuộc về giới tâm linh, nhưng thực ra đây là sự nhắc nhở các thế hệ con cháu nhớ lại các vùng quê cha đất tổ mà tổ tiên họ đã từng sinh sống.

Tóm lại, qua những cứ liệu trên đây, tuy đã pha đôi chút tính chất tôn giáo, huyền ảo nhưng qua đó đã cho chúng ta những chứng cứ rõ ràng về những cư dân bản địa đã từng sinh thành và gắn bó với các miền quê thân yêu trên dải đất Việt Nam từ thừa xa xưa. Trên cơ sở đó có thể rút ra một số kết luận mới như sau:

1. Tù trưởng Lạng Chượng cùng các thế hệ con cháu của ông đều đã được sinh ra và lớn lên trên dải đất Việt Nam. Quê cha đất tổ của họ là vùng Mường Lò huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái ngày nay. Cho nên, họ thuộc các cư dân Thái cổ ở Việt Nam, đã từ lâu có quan hệ mật thiết với các cư dân sống lâu đời khác ở Việt Nam, trước hết là cư dân nói tiếng Môn- Khơ me.

2. Giữa các nhóm Thái Đen nói riêng, và các nhóm Thái khác ở Việt Nam nói chung từ thời cổ đại đã có quan hệ bà con, láng giềng với người Kinh. Vì vậy, việc đoàn người do Lạng Chượng dẫn đầu về thăm và yết kiến vua Bường Thái ở miền xuôi là điều hiển nhiên của các cư dân trong một quốc gia thống nhất.

3. Các nhóm, các ngành Thái ở Việt Nam đều thuộc các lớp cư dân cổ đại đã từng góp công, góp sức vào công cuộc dựng nước và giữ nước. Riêng người Thái Đen cũng thuộc các lớp cư dân sinh thành trên dải đất Việt nam chứ không phải là lớp cư dân đến sau, bổ sung vào các nhóm Thái đến trước như một số ý kiến vẫn tồn tại lâu nay.

**Chú thích:**

(1,2). Xem "Người Thái Đen ở Tây Bắc Việt Nam", NXB KHXH, Hà Nội, 1978 của Cẩm Trọng và "Tư liệu lịch sử và xã hội dân tộc Thái", NXB KHXH, Hà Nội, 1997 của tập thể tác giả do Đặng Nghiêm Vạn chủ biên.

(3). "Mơ khôn", NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội 1999 do Vương Trung sưu tầm và biên dịch.

(4). "Lời tang lễ dân tộc Thái", NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội 2000, do Hoàng Trần Nghị sưu tầm và biên dịch.

(5). Chúng tôi chưa xác định được vua Bường Thái là ông vua nào. Nhưng, theo nguồn sử liệu trên đây có lẽ là một ông vua thuộc triều đại Lê Sơ (1428-1527).